



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Lê Hoài Ngọc
Last Middle First

Current Address: 18/133 / 10 Trần Quang Diệu PHẠM.

Date of Birth: 01/12/45 Place of Birth: Quảng Ngãi

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/75 To 10/77
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Nguyễn Nhân
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Haigon ngày 18/7/1989

Chị 3E mến,

Tôi có 2 triệu lỵ sâu đây, cũng hơi khó xử
hay nghĩ mai rớt cũng đành phải gởi cho chị, vì
đi sao cũng nhỏ chi vậy thôi. Xét lại về quyết
định xem có giúp được gì không.

① Triệu lỵ Lê hoàn được anh này là anh
văn của Ban Liên Hợp quân sự của chính tôi, anh
tôi cũng là nhân viên chính là cho anh. Ngặt 1 điều
là thời gian ở tù chưa đến 3 năm, thì anh kết
tỷ nhiên cho anh này (7/89) vẫn còn sắp xếp thay
thay có là khâu vì cứ tiếp tục vượt biên thì bại
hoài, bị cắt là khâu, sống coi như bắt lỵ phẩy,
bắt lỵ lỵ. Anh Kim xin tại định có thể không đến
10 năm tù, tuy nhiên đi sao cũng là người của Tony
hội từ nhân Cđ, nên tôi cũng cần rầy gởi qua đây
để nhờ Chị xem xét lại, nếu được thì cứ chuyển ODP
thử xem sao. Em út của chính tôi ở Ban Liên Hợp
quân sự nên tôi phải có xin chị giúp thôi. Nguyện.

② Triệu lỵ thì lại này cũng hơi rắc rối.

Anh Nguyễn Văn Dĩnh, là toán hẩu đánh của Bình An
Hưng Viên, Khẩu Quốc gia, lãnh đánh 1958, được ban
lãnh ở Huế (do 2 em gái ruột bắt lãnh). Đã có LOI

(IV.509351-4E44 #.020334 ngày Oct/3/84)

Đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh - nhưng đến năm 1985
thì ông Dĩnh chết. Mai đến tháng 4/89 thì được gởi
xuất cảnh cho cả gia đình (thì ông Dĩnh chết) - như vậy

2/

Không biết LOI cho gia đình còn có hạn lộc hay không? Và vợ con ông DINH còn có được ODP/huy hay sẽ đi từ Mỹ lấy nhân do họ qua Mỹ hay chương trình đoàn tụ gia đình hay không?

Đã đi xin chị giúp giùm; mà dù anh Anh không được gia đình từ nhân công, sản như là anh và cuối anh đoàn với BSN, người mà chị bảo họ (vì hôm Tết 88, là họ gởi qua chị 1 hũc với ông TRUNG), anh và em anh BSN, người đã được LOI cách đây 7 ngày do chị lo giúp đỡ. Ngoài ra anh DINH cũng là công chức cũ, có đi lính một thời gian.

Hai người em bạn lính là:

1 - Nguyễn Thị Diên

2 - Rose Nguyễn

Yêu chị giúp đưa vào đơn này hỏi giùm ngay ODP/US hoặc cần giúp giúp đỡ đợt kết quả tốt, đây cũng là công tác xã hội, là công tác báo động, không vụ lợi, không công việc thời gian và có gởi xin chị thả về cho tôi thấy cũng được.

N

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two copies)

1. NAME : NGOC HOAI LE
Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH : 12.01.1945 QUANG TRI
3. SEX : Male: ☒ Female: ☐
4. MARITAL STATUS : Single: ☐ Married: ☒
5. ADDRESS IN VIETNAM : 18/133/10, Trần quang Diệu
Quận 3, Hồ Chí Minh CITY
6. POLITICAL PRISONER : Yes: ☒ No: ☐
If yes, from 05.1975 — 10.1977.
7. PLACE OF RE-EDUCATION CAMP : TAY NINH — LONG KHANH
8. PROFESSION :
9. EDUCATION IN US : N/A
10. RVN ARMY, RANK : 1st LIEUTENANT, RVN military
Delegation, Central Two-Party joint
11. RVN GOVERNMENT, POSITION : military Commission
12. APPLICATION FOR OLI :
Yes ☒
IV number: N/A
No ☐
13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : 6 (Wife + 5 children).
14. MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 18/133/10, Trần quang Diệu,
Quận 3, Hồ Chí Minh City.
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE :
NGUYỄN NHCÂN : CATHOLIC HUMAN DEVELOPMENT
16. US CITIZEN : Yes: ☐ No: ☐
17. RELATIONSHIP WITH PRISONER : FRIEND
18. NAME AND SIGNATURE : SÊ HOAT NGOC Hoang
Address and Telephone of Informants
19. DATE : 18.07.1989.

HỘI GIA BÌNH 20 NĂM CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM
 POLICE OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
 PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
 Telephone : 703-560-0038

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
 (Two copies)

IV No. _____
 VET. No. _____
 I-171 Yes ☐ No ☐

1. APPLICANT IS VIETNAMESE : NGOC HOAI LE
 Last Middle First
2. Current Address : 18/133/10, Tân Quang Diệu, Quận 3, Hồ Chí Minh
 Date of Birth : 12.01.1945 Place of Birth : QUANG NGAI City
 Previous Occupation (before 1975) :
 (Rank and Position)
 1st Lieutenant, Correspondence officer, RVN
 military delegation, Central Two-Party joint
 military Commission
3. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP :
 Date: from 05.1975 to 10.1977
4. SPONSOR'S NAME : NGUYEN NGUYEN
 Name
 CATHOLIC HUMAN DEVELOPMENT
5. NAMES OF RELATIVES/AQUAINTANCES IN THE U.S. :

Name	Address and Telephone	Relationship
5. NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :		
<u>Name:</u>	<u>Date of birth:</u>	<u>Relationship's PA</u>
TRUYỀN THỊ MINH	02.10.1948	Vợ
LE NGOC MINH CHAU	20.10.1971	Con
LE NGOC MINH QUAN	01.04.1974	Con
LE NGOC MINH HUUONG	20.10.1975	Con
LE NGOC MINH SON	28.03.1979	Con
LE HOANG THUEN PHUNG	12.01.1982	Con

Dependent's Address (if different from above) :
 18/133/10, Tân Quang Diệu, Quận 3, HCM CITY

6. ADDITIONAL REMARKS INFORMATION :

Date prepared:
 18.07.1989.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020590408**

Họ tên **HUYNH THI MINH**

Sinh ngày **02-10-1948**

Nguyên quán **Phố Hiệp,**

Đức Phổ, Nghĩa Bình.

Nơi thường trú **18/133/10 Trần-**
Quang Diệu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật



NGON TRÓ TRAI

DẤU VẾT TRƯNG HOẶC DI HÌNH

Sem chấ cách lơn trên
s. uôi mắt trái.



NGON TRÓ PHẬT

Năm 12/12/1978



TRƯỞNG TY CÔNG AN

QUANG AN QUÂN S

12/12/78

Thúc Phép

TƯ LỆNH QUÂN KHU 7
PHONG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

Số: 475/X

1)/ ngày 30 tháng 11 năm 1987

7 TẤY XÁC NHẬN

AKh : Sinh : 1945
Vào lính ngày: 1969 Số lính 65 131 152
Chức vụ : Cấp bậc Trung úy
Sinh quán :
Chỗ ở hiện nay : 18/33/10
Là sĩ quan chế độ cũ, đã đi trình diện học tập cải tạo tập
trung được thả về : 18/133/10
Theo quyết định số 179/24 Ngày 17.8.77 . . .
... đã ký và thuộc quyền
quản lý của chính quyền địa phương nơi cư ngụ.

PHONG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7



HO CHI MINH City, 07-07-1989

To : The Director of the O.D.P. Office
127 Sathorn Tai Road
Bangkok - 10120 - Thailand.

SUBJECT : Request for Immigration to the United States of America under the Orderly Departure Program.

Dear Sir,

I undersigned :

LÊ HOÀI NGỌC

Date and place of birth : 12.01.1945, QUẢNG NGÃI.

Nationality :

VIỆT NAM

Sex : NAM

Family status :

1 VỢ, 5 Con

Home Address :

18/133/10, Trần Quang Diệu, Quận 3, SNGOÀI

Education :

Cao học luật, Cao học Criminal TRI.

Before April 30, 1975 :

Military.

Rank :

1st lieutenant

Military Number :

65/231/51

Occupation :

Unit :

run military Delegation to the Central Two-Party Joint military Commission

Reference :

After April 30, 1975 :

Reeducated.

Re-educated in Detention Camp from : TÂY NINH 05-1975

Release from : TÂY NINH Camp on : LONG KHANH 1977.

Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarianact, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Socialist Republic of VietNam, in order that my family and I my be authorize to leave Vietnam under your arrangement and protection under the Orderly Departure Program to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life, following are my relative to be evacuation with me to the USA :

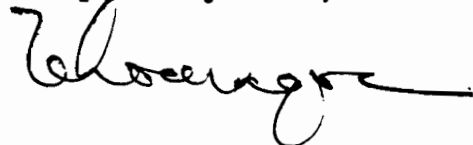
full name	Date of birth	Sex	Relationship	Address
① HUYỄN THỊ MINH	02.10.1948	Nữ	VỢ	18/133/10
② LÊ NGỌC MINH CHÂN	20.10.1971	Nữ	Con	Đang học ở Quận 3, Sg.
③ LÊ NGỌC MINH HOÀN	01.04.1974	Nam	Con	--- --
④ LÊ NGỌC MINH HƯƠNG	20.10.1975	Nữ	Con	--- --
⑤ LÊ NGỌC MINH SƠN	28.03.1979	Nam	Con	--- --
⑥ LÊ HOÀNG HUY PHƯƠNG	12.01.1982	Nam	Con	--- --

Your consideration the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Enclosed are :

01 O.D.P. Questionnaire.

Respectfully Yours,



LÊ HOÀI NGỌC

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT

(Câu hỏi cho người nộp đơn)

Date : 07.07.1989
Ngày

A. Basic Identification Data :
(Lý lịch bản thân)

1. Name : LE HOAI NGOC
Họ, tên
2. Other name : No
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 12.01.1945, Quảng Ngãi
Ngày nơi sinh
4. Residence address : 18/133/10, Mãn Quang Điện, Quận 3, Sg
Địa chỉ thường trú
5. Mailing address : 18/133/10, Mãn Quang Điện, Q3, Sg
Địa chỉ thư từ
6. Current occupation : _____

B. Relative to accompany me :
Bà con cùng đi với tôi

(Note : Your spouse and unmarried children are the only relative eligible to accompany you. List marital status (MS) as follow Married (M) Divorced (D) Widowed (W) or Single (S)

(Chú ý : Vợ chồng và con cái chính thức có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) đã ly dị (D) góa phụ góa thê (W) hoặc độc thân (S).

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
1. <u>Nguyễn Thị Minh</u>	<u>02.10.1948</u>	<u>Quảng Ngãi</u>	<u>Nữ</u>	---	<u>Vợ</u>
2. <u>Le Ngoc Minh Châu</u>	<u>20.10.1971</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	---	<u>Con</u>
3. <u>Le Ngoc Minh Quân</u>	<u>01.04.1974</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	---	<u>Con</u>
4. <u>Le Ngoc Minh Hùng</u>	<u>20.10.1975</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	---	<u>Con</u>
5. <u>Le Ngoc Minh Sơn</u>	<u>28.03.79</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	---	<u>Con</u>
6. <u>Le Hoàng Hiền Phụng</u>	<u>12.01.82</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	---	<u>Con</u>
7.					
8.					

Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth Certificates, marriage Certificates (if widowed) identification cards (if available) and photos, if any of the above accompanying relative, do not live with you, please note their address in in section I below :)

Chú ý : Cho mỗi người họ tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không cùng ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C. Relative outside Vietnam :
Họ hàng ở ngoại quốc :

1. Closed relatives in the US :
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ :

- a. Name :
Họ tên :
- b. Relationship :
Liên hệ gia đình
- c. Address :

2. Closed relative in other foreign countries : No
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác :

a. Name : No
Họ tên :
b. Relationship
Liên hệ gia đình
c. Address
Địa chỉ

D. Complete family listing (Living/dead)
Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

	<u>Name</u>	<u>Address</u>
1. Father : Cha	<u>Lê Đình (Dead)</u>	<u>18/133/10 Dân Quang</u>
2. Mother : Mẹ	<u>Phan Thị Lân (Dead)</u>	<u>Quận 3, Saigon</u>
3. Spouse : Vợ/chồng	<u>Huyền Thị Minh</u>	<u>NT</u>
4. Former spouse (if any) Vợ/chồng trước (nếu có)	<u>No</u>	
5. Children con cái	1) <u>Lê Ngọc Minh Châu</u> 2) <u>Lê Ngọc Minh Quân</u> 3) <u>Lê Ngọc Minh Hoàng</u> 4) <u>Lê Ngọc Minh Sơn</u> 5) <u>Lê Hoàng Kiều Hưng</u> 6) _____	18/133/10 Dân Quang Quận 3 Saigon
6. Siblings Anh chị em	1) _____ 2) _____ 3) _____ 4) _____ 5) _____ 6) _____	

E. Employment by US Government Agencies or other US Organizations of you or your spouse.
Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc Hãng Mỹ.

1) Name of person employed : _____
Họ tên nhân viên
2) Date from : _____ To : _____
Ngày tháng năm từ :
3) Title of (last) position held _____
Chức vụ công việc
1) _____
2) _____
3) _____
4) Agency/Company/Office :
Sở/Hãng/văn phòng
1) _____
2) _____
3) _____

5) Name of (last) Supervisor

Tên họ người giám thị

1) -----

6) Training for job in Vietnam

Nghe nghiệp huấn luyện tại Vietnam

F. Service with GVN for RVNF by you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã có công vụ với Chính phủ VN

1) Name of person serving : -----

Họ tên người tham gia

2) Dates from : 15.01.1968

To : 20.04.75

Ngày tháng năm : Từ

3) Last rank :

Cấp bậc cuối cùng : 1st Lieutenant

4) Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Binh chủng/đơn vị :

----- RVN military Delegation
----- to the Central NV Party Joint Military Commis

5) Name of Supervisor/C.O. : Brigadier General Phan Hoa Hiep

Họ tên người Giám thị, sĩ quan chỉ huy

6) Reason for leaving : -----

Lý do ra đi

Political - Refugee

7) Name of American Advisor (S)

Họ tên cố vấn Mỹ

8) U.S. Training course in Vietnam :

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại VN

9) U.S. Awards or Certificates

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp

10) Note : Please attach any copies of diploma, awards or certificates if available,
Available Yes ----- No -----

Chú ý : Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc chứng từ nếu có.

Đương sự có không ? Có ----- Không -----

G. Training outside VN of you or your spouse :

Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc :

1) Name of student/trainee

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện

2) School and School address :

Trường và địa chỉ nhà trường :

3) Date :

From

to

Ngày tháng năm

Từ

Tới

4) Description of course

(Mô tả ngành học

5) Who paid for training :

AI đài thọ chương trình huấn luyện

Note : Please attach copie of diplome or orders, if available Available ?

Yes : _____ No _____

Chú ý : Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chứng chỉ nếu có, bạn có hay không ?
Có : _____ Không : _____

H. Re-education of your or your spouse :

Bạn hoặc vợ/chồng đã học cải tạo :

- 1) Name of person in re-education : LE HOAI NGOC
Họ tên người đi học cải tạo
- 2) Total time in re-education : Years 02 Months 04 days 8
Tổng cộng thời gian học tập Năm tháng Ngày
- 3) Still in re-education ? Yes _____ No No
Vẫn còn học tập cải tạo Có không

(If released, we must have a copy of your release certificate)
Nếu được thả chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I. Any additional remarks :

Ghi chú phụ thuộc :

Signature
Ký tên

LE HOAI NGOC

Date
Ngày

07-07-89

J. Please list here all documents attach to this questionnaire :

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã phường 24

Huyện, Quận 3

Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT

Số 64

Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ NGỌC MINH SƠN Nam hay nữ NAM

Ngày, tháng, năm, sinh 28 Tháng 03 Năm 1979

Nơi sinh 284 Công Quỳnh

Dân tộc Kinh Quốc tịch V.N

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Minh</u>	<u>Lê Hoài Ngọc</u>
Tuổi	<u>1946</u>	<u>1945</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Mại trợ</u>	<u>Y sĩ</u>
Nơi thường trú	<u>18/133/10 Trần Quang Diệu</u>	<u>Trần Quang Diệu</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Hoài Ngọc

Đăng ký ngày 3 tháng 4 năm 19 79

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Số ký : DINH THANH TÙNG



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 6 năm 1989

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Q3

Ký tên, đóng dấu



Đặng Thị Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường 24
Huyện, Quận 3
Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT
Số 120
Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ NGỌC MINH CHAU Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm, sinh 20 Tháng 10 Năm 1971

Nơi sinh Saigon

Dân tộc kinh Quốc tịch V.N

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Huỳnh Thị Minh</u>	<u>Lê Hoài Ngọc</u>
Tuổi	<u>1946</u>	<u>1945</u>
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>y sĩ</u>
Nơi thường trú	<u>18/133/10 Tr. Quang Diệu</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Hoài Ngọc

Đăng ký ngày 16 tháng 8 năm 1978
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Đã ký : BÙI THỊ NGUYỆT



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 6 năm 1989

T/M ỦY BAN Q3

Ký tên, đóng dấu



CHỦ TỊCH HÒA
(Khu vực Việt Nam)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM Sài Gòn

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THỦ NĂM 1970 (BƯỚC I)

(Extrait du registre des actes de mariage de l'année) (degré)

LÀNG Quận Ba TỈNH Sài Gòn (NAM-PHÂN)

(du village de) (Province de) (Sud Việt-Nam)

NĂM 1970 SỐ HIỆU

(Année) (Acte No)

Tên họ người chồng (Nom et prénom de l'époux)	LE-HÒAI-NGỌC
Sinh tại chỗ nào (Lieu de la naissance)	Quảng-Ngãi
Sinh ngày nào (Date de la naissance)	12-01-1945
Tên họ cha chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénom du père de l'époux (indiquer si est vivant ou décédé))	LE-PINH (sống)
Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée))	PHAN-THỊ-LÀU (sống)
Tên họ người vợ (Nom et prénom de l'épouse)	HUYNH-THỊ-MINH
Vợ chồng này là vợ thứ (Cet usage de femme mariée)	Vợ chánh
Sinh tại chỗ nào (Lieu de la naissance)	Quảng-Ngãi
Sinh ngày nào (Date de la naissance)	02-10-1948
Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer si est vivant ou décédé))	HUYNH-MINH-CẢI (sống)
Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénom de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée))	TRẦN-THỊ-THONG (sống)
Năm kết hôn (Date de mariage)	1970

Trích y bản chánh.²
(Pour extrait conforme)

Sài Gòn ngày 18-02 1971

KHOI-THI-THUC



Giá tiền: 20
(Cost)
Biên-lai số LP
(Quittance n°)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, thị trấn F. 3

Thị xã, quận : 3

Thành phố, tỉnh : Thị trấn Minh

GIẤY KHAI SINH

Số 195/04

Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Bà Hoàng Thị Hương</u> Nam, số <u>Tham</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày 12 tháng 1 năm 1982</u>	
Nơi sinh	<u>Quận 3</u>	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Bà Hoàng Thị Hương</u> <u>1955</u>	<u>Thị trấn Minh</u> <u>1968</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Thợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>18/33/10 Trần Quang Diệu</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Bà Hoàng Thị Hương</u>	



Đang ký ngày 6 năm 1986

TM/UBND

Ký tên, đóng dấu



Đỗ Văn Thiệu

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã phường 24
Huyện, Quận 3
Tỉnh, Thành phố HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TP/HT
Số 130
Quyển 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ NGỌC MINH HƯƠNG Nam hay nữ NỮ

Ngày, tháng, năm, sinh 20 Tháng 10 Năm 1975

Nơi sinh Saigon

Dân tộc Kinh Quốc tịch V.N

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Huỳnh Thị Minh</u>	<u>Lê Hoài Ngọc</u>
Tuổi	<u>1948</u>	<u>1945</u>
Dân tộc	<u>kinh</u>	<u>kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Động viên</u>
Nơi thường trú	<u>18/133/10 Trần Quang Diệu</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Hoài Ngọc

Đăng ký ngày 09 tháng 09 năm 1980
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Đã ký : BÙI THỊ NGUYỄN

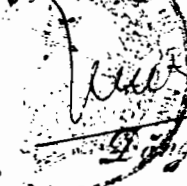


NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 06 năm 1989



T/M UBND
Ký tên, đóng dấu



Bùi Thị Ngọc